TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1X** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 0x/2025/KDTM-ST
Ngày: 11/9/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1X, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quý A;

2. Ông Lê Chánh N.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị H - Thư ký Toà án nhân dân KHU VỰC 1x, tỉnh Đ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 1x, tỉnh Đ tham gia phiên toà: Bà Phạm Viết Diệu T - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1x, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 0x/2024/TLST-KDTM ngày 09 tháng 8 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 0x/2025/QĐXXST-KĐTM ngày 31 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 0x/2025/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 8 năm2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ trụ sở: Số H đường L, phường Đ, thành phố Hà Nội (số H đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội cũ).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn Đ – Trưởng phòng xử lý nợ Pháp lý khách hàng doanh nghiệp 3. (theo văn bản ủy quyền số 30/2025/UQN-CTQT ngày 28/7/2025)

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1997. (theo văn bản ủy quyền số 2207/2025/UQN-KHDNMN ngày 28/7/2025).

Địa chỉ: Số A T, phường P, tỉnh Đ (trước đây là số A T, phường P, thành phố P, tỉnh B).

Bị đơn: Công ty TNHH T (trước đây là TNHH N).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Đức H, sinh năm 1981.

Địa chỉ trụ sở: Thôn P, xã T, tỉnh Đ (thôn P, xã H, huyện H, tỉnh B cũ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 24/11/2023, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V ký kết với Công ty TNHH N (nay là công ty TNHH T) Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số 241123-13794759-AUTO-1/HĐ và Khế ước nhận nợ số 241123-13794759-AUTO-1 ngày 24/11/2023. Căn cứ hợp đồng và các văn bản đã ký kết, Ngân hàng Thương mại cổ phần V đã giải ngân cho Công ty TNHH N (nay là công ty TNHH T) vay số tiền vay: 560.000.000 đồng (*Năm trăm sáu mươi triệu đồng)*; Thời hạn vay: 48 tháng (tính từ ngày 24/11/2023 đến ngày 24/11/2027); Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm vay là 9,8%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi chậm trả: 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả nhưng tối đa không quá 10%/năm; Mục đích vay: Mua ô tô mới phục vụ mục đích đi lại theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 175.11xx.HBTN.HĐMB; Trả nợ lãi: theo định kỳ 01 tháng/ lần vào ngày 05, kỳ trả nợ lãi đầu tiên là ngày 05/01/2024; Trả nợ gốc: theo định kỳ 01 tháng/ lần vào ngày 05. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên ngày 05/01/2024, số tiền gốc trả mỗi kỳ là 11.666.666 đồng *(Mười một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng),* riêng kỳ cuối cùng trả số tiền 11.666.698 đồng *(Mười một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng).*

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên Công ty TNHH N (nay là công ty TNHH T) thế chấp cho ngân hàng xe ô tô nhãn hiệu HONDA, số loại BR-VG, biển kiểm soát 86A-278.56, số khung: MHRDG3840SJ001129; số máy: L15ZF1952411 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 86001409 do Công an huyện H cấp ngày 23/11/2023, được ký kết theo hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số 241123-13794759-AUTO-1/HĐ ngày 24/11/2023 và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH N (nay là công ty TNHH T) vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số 241123-13794759-AUTO-1/HĐ và Khế ước nhận nợ số 241123-13794759-AUTO-1 ngày 24/11/2023 nêu trên. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu Công ty TNHH N (nay là công ty TNHH T) thanh toán nợ cho ngân hàng nhưng Công ty TNHH N (nay là công ty TNHH T) vẫn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng.

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần V yêu cầu giải quyết các vấn đề cụ thể sau:

1. Đề nghị Tòa án tuyên buộc Công ty TNHH T (trước đây là Công ty TNHH N) có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền vay và hiện còn nợ đối với khoản vay theo hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số 241123-13794759-AUTO-1/HĐ và Khế ước nhận nợ số 241123-13794759-AUTO-1 ngày 24/11/2023 số tiền tạm tính đến ngày 11/9/2025 là 660.380.751 đồng *(Sáu trăm sáu mươi triệu ba trăm tám mươi nghìn bảy trăm năm mươi mốt đồng)*, trong đó: số tiền nợ gốc là 522.733.329 đồng *(Năm trăm hai mươi hai triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn ba trăm hai mươi chín đồng)*; tiền lãi trong hạn 4.563.936 đồng *(Bốn triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm ba*

mươi sáu đồng); tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 11/9/2025 là 132.352.006 đồng *(Một trăm ba mươi hai triệu ba trăm năm mươi hai nghìn không trăm lẻ sáu đồng)*; Tiền lãi do chậm trả lãi tạm tính đến ngày 11/9/2025 là 731.480 đồng *(Bảy trăm ba mươi mốt nghìn bốn trăm tám mươi đồng)*.

2. Đề nghị Tòa án tuyên buộc Công ty TNHH T (trước đây là Công ty TNHH N) có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V các khoản tiền lãi theo như thỏa thuận tại hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số 241123-13794759-AUTO-1/HĐ và Khế ước nhận nợ số 241123-13794759-AUTO-1 ngày 24/11/2023 và các văn bản khác có liên quan đã được ký kết với Ngân hàng tính từ ngày 12/9/2025 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

3. Trường hợp Công ty TNHH T (trước đây là Công ty TNHH N) không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm đã được thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần V theo hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số 241123-13794759-AUTO-1/HĐ ngày 24/11/2023 là xe ô tô nhãn hiệu HONDA, số loại BR-VG, biển kiểm soát 86A-278.56, số khung: MHRDG3840SJ001129; số máy: L15ZF1952411 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 86001409 do Công an huyện H cấp ngày 23/11/2023 để thu hồi toàn bộ khoản nợ còn lại. Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ, đề nghị Tòa án tuyên bố buộc Công ty TNHH T (trước đây là Công ty TNHH N) có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng triệu tập bị đơn tham gia tố tụng tại Tòa án theo quy định pháp luật để giải quyết vụ án nhưng bị đơn không có mặt theo triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến, phản hồi; không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KHU VỰC 1x, tỉnh Đ phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục từ khi thụ lý đến khi xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành, vi phạm Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số 241123-13794759-AUTO-1/HĐ và Khế ước nhận nợ số 241123-13794759-AUTO-1 ngày 24/11/2023 thì thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Tại thời điểm khởi kiện, theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và trong hợp đồng tín dụng đã ký kết thể hiện bị đơn có địa chỉ trụ sở tại tại xã H, huyện H, tỉnh B (nay là xã T, tỉnh Đ). Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện H thụ lý và Tòa án nhân dân khu vực 1x, tỉnh Đ đưa ra xét xử là đúng thẩm quyền.

[1.1] Về xét xử vắng mặt: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và chứng cứ do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V yêu cầu bị đơn Công ty TNHH T (trước đây là Công ty TNHH N) phải trả các khoản tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số 241123-13794759-AUTO-1/HĐ và Khế ước nhận nợ số 241123-13794759-AUTO-1 ngày 24/11/2023, số tiền vay: 560.000.000 đồng (*Năm trăm sáu mươi triệu đồng)*; Thời hạn vay: 48 tháng (tính từ ngày 24/11/2023 đến ngày 24/11/2027); Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm vay là 9,8%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi chậm trả: 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả nhưng tối đa không quá 10%/năm; Mục đích vay: Mua ô tô mới phục vụ mục đích đi lại theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 175.11xx.HBTN.HĐMB; Trả nợ lãi: theo định kỳ 01 tháng/ lần vào ngày 05, kỳ trả nợ lãi đầu tiên là ngày 05/01/2024; Trả nợ gốc: theo định kỳ 01 tháng/ lần vào ngày 05. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên ngày 05/01/2024, số tiền gốc trả mỗi kỳ là 11.666.666 đồng *(Mười một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng),* riêng kỳ cuối cùng trả số tiền 11.666.698 đồng *(Mười một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng).* Tại các bảng kê tính lãi đối với khoản vay trên của Công ty TNHH T do nguyên đơn cung cấp thể hiện, quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH T đã thanh toán tiền lãi trong hạn và tiền nợ gốc cho ngân hàng nhưng không đầy đủ, tính đến ngày 06/5/2024,

Công ty TNHH T đã trả cho ngân hàng với tổng số tiền 43.800.082 đồng *(Bốn mươi ba triệu tám trăm nghìn không trăm tám mươi hai đồng)*, kể từ ngày 07/5/2024 cho đến nay thì Công ty TNHH T không thanh toán cho ngân hàng. Như vậy, Công ty TNHH T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại Khoản 7, Khoản 8 Điều 1 của Khế ước nhận nợ số 241123-13794759-AUTO-1 ngày 24/11/2023.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Căn cứ Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 4, Điều 20 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1. Hội đồng xét xử xét thấy, đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V buộc Công ty TNHH T (trước đây là Công ty TNHH N) phải trả cho nguyên đơn:

- Số tiền 660.380.751 đồng *(Sáu trăm sáu mươi triệu ba trăm tám mươi nghìn bảy trăm năm mươi mốt đồng)*, trong đó: số tiền nợ gốc là 522.733.329 đồng *(Năm trăm hai mươi hai triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn ba trăm hai mươi chín đồng)*; tiền lãi trong hạn 4.563.936 đồng *(Bốn triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng);* tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 11/9/2025 là 132.352.006 đồng *(Một trăm ba mươi hai triệu ba trăm năm mươi hai nghìn không trăm lẻ sáu đồng)*; Tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 11/9/2025 là 731.480 đồng *(Bảy trăm ba mươi mốt nghìn bốn trăm tám mươi đồng)* theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số 241123-13794759-AUTO-1/HĐ và Khế ước nhận nợ số 241123-13794759-AUTO-1 ngày 24/11/2023.

Kể từ ngày 12/9/2025, Công ty TNHH T còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tiền lãi phát sinh cho đến khi Công ty TNHH T trả hết các khoản tiền còn nợ nói trên theo mức lãi suất đã thoả thuận tại Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số 241123-13794759-AUTO-1/HĐ và Khế ước nhận nợ số 241123-13794759-AUTO-1 ngày 24/11/2023.

[2.2] Về tài sản thế chấp: Xét thấy Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số 241123-13794759-AUTO-1/HĐ ngày 24/11/2023 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V với bị đơn Công ty TNHH T (trước đây là Công ty TNHH N) là tự nguyện, có đăng ký thế chấp theo quy định tại Điều 95, Điều 167 của Luật Đất đai; Điều 9, Điều 10, Điều 12 của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 19/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Do vậy, căn cứ Điều 299, Điều 320, Điều 322, Điều 323, Điều 325 của Bộ luật Dân sự; Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 21 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1. Trường hợp Công ty TNHH T (trước đây là Công ty TNHH N) không thực hiện nghĩa vụ trả tiền hoặc trả không đủ số tiền ghi trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số 241123-13794759-

AUTO-1/HĐ ngày 24/11/2023 để thực hiện nghĩa vụ.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; do yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V được Tòa án chấp nhận nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần V không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; Công ty TNHH T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 269, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 299, Điều 320, Điều 322, Điều 323, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91, Điều 95, khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng;

- Điều 167 của Luật Đất đai;

- Điều 7 và Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

1. Về yêu cầu trả tiền:

1.1. Buộc Công ty TNHH T (trước đây là Công ty TNHH N) phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số 241123-13794759-AUTO-1/HĐ và Khế ước nhận nợ số 241123-13794759-AUTO-1 ngày 24/11/2023 số tiền tạm tính đến ngày 11/9/2025 là 660.380.751 đồng *(Sáu trăm sáu mươi triệu ba trăm tám mươi nghìn bảy trăm năm mươi mốt đồng)*, trong đó: số tiền nợ gốc là 522.733.329 đồng *(Năm trăm hai mươi hai triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn ba trăm hai mươi chín đồng)*; tiền lãi trong hạn 4.563.936 đồng *(Bốn triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng);* tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 11/9/2025 là 132.352.006 đồng *(Một trăm ba mươi hai triệu ba trăm năm mươi hai nghìn không trăm lẻ sáu đồng)*; Tiền lãi do chậm trả lãi tạm tính đến ngày 11/9/2025 là 731.480 đồng *(Bảy trăm ba mươi mốt nghìn bốn trăm tám mươi đồng)*.

1.2. Kể từ ngày 12/9/2025, Công ty TNHH T (trước đây là Công ty TNHH N) còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết các khoản tiền còn nợ nêu trên theo mức lãi suất đã thoả thuận tại Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số 241123-13794759-AUTO-1/HĐ và Khế ước nhận nợ số 241123-13794759-AUTO-1 ngày 24/11/2023 và tài liệu liên quan đến các hợp đồng nói trên được ký kết giữa Công ty TNHH T (trước đây là Công ty TNHH N) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

2. Về tài sản thế chấp:

Trường hợp Công ty TNHH T (trước đây là Công ty TNHH N) không thực hiện nghĩa vụ trả tiền hoặc trả không đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp (đã được đăng ký giao dịch bảo đảm) theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số 241123-13794759-AUTO-1/HĐ ngày 24/11/2023 là xe ô tô nhãn hiệu HONDA, số loại BR-VG, biển kiểm soát 86A-278.56, số khung: MHRDG3840SJ001129; số máy: L15ZF1952411 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 86001409 do Công an huyện H cấp ngày 23/11/2023. Trường hợp số tiền phát mãi tài sản thế chấp không đủ để trả các khoản nợ thì Công ty TNHH T phải tiếp trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số 241123-13794759-AUTO-1/HĐ và Khế ước nhận nợ số 241123-13794759-AUTO-1 ngày 24/11/2023 nói trên.

Trường hợp Công ty TNHH T (trước đây là Công ty TNHH N) thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thì Ngân hàng phải trả lại cho Công ty TNHH T (trước đây là Công ty TNHH N) bản chính Giấy chứng nhận xe ô tô số 86001409 nêu trên; đồng thời phải thực hiện thủ tục xóa đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

3.1. Công ty T (trước đây là Công ty TNHH N) phải chịu số tiền 30.415.230 đồng (*Ba mươi triệu bốn trăm mười lăm nghìn hai trăm ba mươi đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3.2. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 13.187.197 đồng (*Mười ba triệu một trăm tám mươi bảy nghìn một trăm chín mươi bảy đồng*) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0014897 ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh B (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1x, tỉnh Đ).

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND KHU VỰC 1x, tỉnh Đ;
- THDS tỉnh Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Quốc H